TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2025/DS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Văn Cường và ông Tô Văn Nhung

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Bùi Phương Uyên, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2025/TLST-DS ngày 11/4/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-DS ngày 31/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2025/QĐST-DS ngày 22/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2025/QĐST-DS ngày 11/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q (V1); trụ sở: tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Tiến L, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 08/8/2025). Có mặt.

- *Bị đơn:* ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1979 và bà Trần Thị T, sinh năm: 1982; cùng thường trú: số G, đường số A, khu trung tâm hành chính, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); tạm trú: căn hộ S, chung cư B thuộc dự án khu P, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến L trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (V1) đã ký với ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T các Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 5795948.19 ngày 05/09/2019 có nội dung: số tiền vay: 2.200.000.000 đồng; mục đích vay: nhận chuyển nhượng căn hộ chung cư S

Chung cư B thuộc dự án khu phức hợp Charm Plaza 1; thời hạn vay: 348 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 12,7 % năm. Lãi suất này sẽ được V1 chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/ năm; trả nợ gốc: vào ngày 25 hàng tháng; mỗi tháng trả 6.322.000 VNĐ, tháng cuối cùng trả 6.266.000 VNĐ; kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/10/2019; trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 25; trả phí: theo quy định của V1 từng thời kỳ.

Hợp đồng tín dụng số 4267644.23 ngày 20/06/2023 có nội dung: Số tiền vay: 100.000.000 đồng; mục đích vay: cho vay mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 12 %/năm. Mức lãi suất này được cố định trong suốt thời hạn vay; trả nợ gốc: thời gian ân hạn: 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân; sau thời gian ân hạn: hàng tháng vào ngày 25; ngày trả nợ đầu tiên 25/7/2024 số tiền trả mỗi tháng là: 2.084.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; trả nợ lãi: thời gian ân hạn: 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Sau thời gian ân hạn: hàng tháng vào ngày 25, ngày trả nợ đầu tiên 25/7/2024; trả phí: theo quy định của V1 từng thời kỳ.

Ngày 04/10/2019, V1 đã giải ngân cho ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T với số tiền 2.200.000.000 đồng, theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ (KUNN) số 5795948(1).19 theo yêu cầu của ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T và phù hợp với quy định tại hợp đồng tín dụng.

Ngày 21/06/2023, V1 đã giải ngân cho ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T với số tiền 100.000.000 đồng, theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ (KUNN) số 4267644.23 theo yêu cầu của ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T và phù hợp với quy định tại hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ và bà T đã trả cho Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng số 5795948.19: số tiền gốc 377,305,857 đồng và tiền lãi 1,273,333,360 đồng; đối với hợp đồng tín dụng số 4267644.23: số tiền gốc 16,050,647 đồng và tiền lãi là 414,567 đồng.

Từ ngày 25/06/2024, ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khoản vay đã chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/9/2025, ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T còn nợ VIB số tiền tổng cộng là 2.377.234.972 đồng; trong đó:

Hợp đồng tín dụng số 5795948.19 là 2.272.035.688 đồng; trong đó: nợ gốc: 1.822.692.694.143 đồng, nợ lãi: 217.414.089 đồng và lãi quá hạn: 231.927.456 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 4267644.23 là: 105.199.284 đồng; trong đó: nợ gốc: 91.664.000 đồng, nợ lãi 4.155.292 đồng và lãi quá hạn: 9.379.992 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, ông Đ và bà T thế chấp tài sản đảm bảo là: "Căn hộ Chung cư B, Chung cư B thuộc dự án khu phức hợp Charm Plaza 1 tại thửa đất số: 17, tờ bản đồ số: 43(11AB), địa chỉ: phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương

theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM482519, số vào sổ cấp GCN: CS15705 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/05/2018, cập nhật chuyển nhượng ngày 04/10/2019 đứng tên ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T". Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 015136, Quyển số: 15 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 08/10/2019 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho V1. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Nay ngân hàng yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tính đến ngày 29/09/2025 là 2.377.234.972 đồng; trong đó:

Hợp đồng tín dụng số 5795948.19 là 2.272.035.688 đồng; trong đó: nợ gốc: 1.822.692.694.143 đồng, nợ lãi: 217.414.089 đồng và lãi quá hạn: 231.972.456 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 4267644.23 là: 105.199.284 đồng; trong đó: nợ gốc: 91.664.000 đồng, nợ lãi 4.155.292 đồng và lãi quá hạn: 9.379.992 đồng.

Ông Lê Xuân Đ và Bà Trần Thị T còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/09/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả theo quy định tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T không trả được toàn bộ khoản nợ thì VIB có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: "Căn hộ Chung cư B, Chung cư B thuộc dự án khu phức hợp Charm Plaza 1 tại thửa đất số: 17, tờ bản đồ số: 43(11AB), địa chỉ: phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM482519, số vào sổ cấp GCN: CS15705 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/05/2018, cập nhật tên ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T ngày 04/10/2019, theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 015136, quyển số: 15 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 08/10/2019 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

- Tại văn bản trình bày ngày 21/5/2025, bị đơn ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T trình bày:

Ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T là người có quyền sở hữu căn hộ P, diện tích: 115.9 m². Tháng 8/2024 do tình hình kinh tế khó khăn VIB – phòng G đã tiến hành họp với vợ chồng ông Đ và bà T để tháo gỡ khó khăn và hai bên thống nhất ký lại hợp đồng tín dụng để giảm lãi suất và giảm số tiền phải đóng hàng tháng, ông Đ và bà T đã tiến hành ký lại hợp đồng tại phòng công chứng Trần Thanh V. Tuy nhiên, khi V1 đi cập nhật tại phòng Tài nguyên môi trường thành phố D thì phát hiện hồ sơ của ông Đ và bà T bị ngăn chặn nên không cập nhật được và sau đó ông Đ và bà T đã xử lý và được gỡ ngăn chặn.

Cho đến ngày 21/5/2025, ông Đ và bà T chưa nhận được bất kỳ văn bản nào của V1 thông báo về công nợ giữa hai bên. Mặc dù khó khăn, ông Đ và bà T vay mượn để xử lý việc ngăn chặn vừa để đóng số tiền gốc và lãi cho V1 để cắt kỳ. Do vậy ông Đ và bà T đề nghị V1 giảm lãi suất trong hạn và lãi quá hạn. Ông Đ và bà T cam kết trong thời gian 03 (ba) tháng sẽ tất toán dứt điểm khoản vay cho V1.

- *Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ:* Căn hộ Chung cư B, Chung cư B thuộc dự án khu P, diện tích sàn xây dựng 115,9m^2, có cầu thang bằng gỗ+sắt; được xây dựng trên thửa đất số 17, tờ bản đồ số: 43(11AB), địa chỉ: phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM482519, số vào sổ cấp GCN: CS15705 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/05/2018, cập nhật tên ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T ngày 04/10/2019.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 20/6/2022, Ngân hàng V1 với ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T ký kết Hợp đồng tín dụng số: 4267644.23 với nội dung Ngân hàng cho ông Đ và bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay: Cho vay mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 12 %/năm. Hợp đồng tín dụng số 5795948.19 ngày 05/09/2019: số tiền giải ngân: 2.200.000.000 đồng; mục đích vay: nhận chuyển nhượng căn hộ chung cư S Chung cư B thuộc dự án khu phức hợp Charm Plaza 1; thời hạn vay: 348 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 12,7 % năm. Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 04/10/2019.

[3] Xét, việc ký kết Hợp đồng tín dụng số: 5795948.19 ngày 05/09/2019 và hợp đồng tín dụng số 4267644.23 ngày 22/6/2022 giữa Ngân hàng V1 với ông Đ và bà T, là thể hiện sự tự nguyện của các đương sự trong giao kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ và bà T đã thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 8371410.21: số tiền gốc 377,305,857 đồng và tiền lãi 1,273,333,360 đồng; đối với hợp đồng tín dụng số 4267644.23: số tiền gốc 16,050,647 đồng và tiền tiền lãi 414,567 đồng. Kể từ ngày 25/6/2024, ông Đ và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Bị đơn cho rằng hiện nay do kinh tế khó khăn, vì vậy đề nghị ngân hàng giảm lãi quá hạn cho ông bà. Tuy nhiên, Ngân hàng không đồng ý. Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận thống nhất về lãi suất, lãi quá hạn, phí. Do đó, các bên giao kết hợp đồng phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã ký.

[4] Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ và bà T trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2025 là 2.377.234.972 đồng; trong đó: Hợp đồng tín dụng số 5795948.19 là 2.272.035.688 đồng (nợ gốc: 1.822.692.694.143 đồng, nợ lãi: 217.414.089 đồng và lãi quá hạn: 231.927.456 đồng) và hợp đồng tín dụng số 4267644.23 là: 105.199.284 đồng (nợ gốc: 91.664.000 đồng, nợ lãi 4.155.292 đồng và lãi quá hạn: 9.379.992 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[5] Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 30/9/2025 cho đến khi ông Đ và bà T thanh toán xong các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 4267644.23 và hợp đồng tín dụng số 5795948.19 đã ký kết giữa Ngân hàng với ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T.

[6] Xét Hợp đồng thế chấp số 3274716.19.670 số công chứng: 015136, Quyển số: 15 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn là thể hiện ý chí tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, trong đó có thể hiện quyền và nghĩa vụ của các bên khi thực hiện hợp đồng và các thỏa

thuận đã ký kết. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản và thỏa thuận các bên có hiệu lực pháp luật, bắt buộc các bên phải thi hành. Theo đó, bị đơn dùng tài sản thế chấp là: "Căn hộ Chung cư B, Chung cư B thuộc dự án khu phức hợp Charm Plaza 1 tại thửa đất số: 17, tờ bản đồ số: 43(11AB), địa chỉ: phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM482519, số vào sổ cấp GCN: CS15705 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/05/2018, cập nhật chuyển nhượng ngày 04/10/2019 đứng tên ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T". Tài sản này được thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định. Vì vậy, trường hợp ông Đ và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[7] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp nên chấp nhận.

[8] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng, bị đơn phải chịu và có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ và bà T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 325, 351, 353 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q với bị đơn ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2025 là: 2.377.234.972 đồng; trong đó:

Hợp đồng tín dụng số 5795948.19 là 2.272.035.688 đồng; trong đó: nợ gốc: 1.822.692.694.143 đồng, nợ lãi: 217.414.089 đồng và lãi quá hạn: 231.927.456 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 4267644.23 là: 105.199.284 đồng; trong đó: nợ gốc: 91.664.000 đồng, nợ lãi 4.155.292 đồng và lãi quá hạn: 9.379.992 đồng

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5795948.19 và Hợp đồng tín dụng số 4267644.23.

Trường hợp ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ trên thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 3274716.19.670 số công chứng: 015136, quyển số: 15 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng là: Căn hộ Chung cư B, Chung cư B thuộc dự án khu phức hợp Charm Plaza 1 tại thửa đất số: 17, tờ bản đồ số: 43(11AB), địa chỉ: phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM482519, số vào sổ cấp GCN: CS15705 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/5/2018, cập nhật ngày 04/10/2019 cho ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T phải chịu số tiền 79.544.700 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q 37.211.495 đồng tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai thu tiền số 0008043 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Lê Xuân Đ và bà Trần Thị T phải chịu 2.000.000 đồng và có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV16 -TP Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hiền